

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 526/2025/DS-PT
Ngày 26 - 8 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp
vốn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

2. Bà Phạm Thị Thanh Giang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Mên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bé Thi – Kiểm sát viên.

Trong 02 ngày 19 và 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 141/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-PT ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Tây Ninh), bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 156/2025/QĐ-PT ngày 24/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 180/2025/QĐ-PT ngày 30/7/2025 và Thông báo thay đổi ngày xét xử số 43/TB-TA ngày 31/7/2025, giữa các đương

- **Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Tố L, sinh năm 1986;

Địa chỉ cư trú: tổ I, khu phố D, thị trấn T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (theo Văn bản ủy quyền ngày 29-3-2024): Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1992;

Địa chỉ cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH MTV K.

Địa chỉ đăng ký trụ sở cũ: tổ I, ấp T, xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Tây Ninh; địa chỉ đăng ký trụ sở chính hiện nay: số A, Hẻm D, Đường N, phường T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đỗ Anh T - Chủ tịch, kiêm Giám đốc. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty (theo Văn bản ủy quyền ngày 12-11-2024): Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1983;

Địa chỉ cư trú: tổ G, khu phố G, thị trấn T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lê Đỗ Anh T, sinh năm 1978;

Địa chỉ cư trú: số A, Hẻm D, đường N, khu phố F, phường D, thành phố T (nay là phường T), tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Đỗ Anh T (theo Văn bản ủy quyền ngày 22-11-2024):

- Ông Tạ Đình N1, sinh năm 1994;

Địa chỉ cư trú: khu phố B, thị trấn T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt;

- Ông Dương Trọng Q, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú: số G, khu phố F, phường T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Tố U, sinh năm 1981;

Địa chỉ cư trú: số A, hẻm D, Đường N, khu phố F, phường D, thành phố T (nay là phường T), tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19-8-2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/11/2024 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn Huỳnh Tố L và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày:

Chị Huỳnh Tố L và ông Lê Đỗ Anh T là Chủ tịch, kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV K (gọi tắt là Công ty) có gặp gỡ trao đổi và thỏa thuận với nhau, chị L sẽ góp vốn vào Công ty để mở rộng việc kinh doanh khai thác cát của Công ty. Từ ngày 08/8/2017 đến ngày 09/5/2018, chị L đã góp vốn vào Công ty tổng số tiền 5.500.000.000 đồng. Việc góp vốn vào Công ty được chị L chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông T nhiều lần và 01 lần giao tiền mặt số tiền 200.000.000 đồng trực tiếp cho ông T.

Vào ngày 23/11/2018, ông T chủ trì mở cuộc họp thống nhất xác định lập dự án xin phép khai thác và đầu tư khai thác cát, với tổng số vốn là 21.000.000.000 đồng. Trong đó, ông T phải góp số tiền 8.400.000.000 đồng tương đương 40% cổ phần, ông Huỳnh Văn C và chị L phải góp số tiền mỗi người là 6.300.000.000 đồng tương đương 30% cổ phần. Cũng tại cuộc họp này, ông T, ông C và chị L cùng thống nhất số tiền mỗi người đã góp vốn vào Công ty đến ngày 16/10/2018 cụ thể như sau: ông T 5.500.000.000 đồng, chị L 5.500.000.000 đồng và ông C 3.000.000.000 đồng. Ngoài ra, các bên thống nhất sau cuộc họp này ông T phải có nghĩa vụ làm thủ tục bổ sung chị L, ông C vào làm thành viên Công ty, thay đổi giấy đăng ký doanh nghiệp, đăng ký lại vốn điều lệ của doanh nghiệp, xin giấy phép khai thác và tiến hành khai thác cát trên địa bàn huyện T, tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, từ khi họp đến nay ông T không thực hiện những công việc nêu trên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị L và chị L có gặp ông T nhiều lần để yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ đã thống nhất tại cuộc họp ngày 23/11/2018 nhưng ông T không thực hiện cũng không trả tiền góp vốn lại cho chị L.

Qua quá trình xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và giám đốc thẩm, Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án sơ thẩm, phúc thẩm giao về sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung. Trước khi Bản án sơ phúc thẩm bị hủy thì chị L có yêu cầu thi hành án và được xác định Công ty không có trụ sở ổn định và không còn tài sản.

Do số tiền chị L chuyển vào tài khoản cá nhân của ông T, bà U (vợ ông T) nay chị L yêu cầu ông T, bà U và Công ty cùng có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị L số tiền 5.500.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 23-11-2018 cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, đại diện bị đơn theo pháp luật của Công ty TNHH MTV K là ông Lê Đỗ Anh T trình bày:

Công ty chưa có ký hợp đồng góp vốn với chị L, giữa Công ty với chị L chỉ thực hiện giao kết với nhau theo thỏa thuận tại “Biên bản họp ngày 23-11-2018” và “Giấy chứng nhận phần vốn góp” ký ngày 01-06-2018. Lý do có Giấy chứng nhận phần vốn góp ký ngày 01-06-2018, nhằm mục đích giúp cho chị L thực hiện vay vốn ngân hàng để làm vốn kinh doanh chứ chị L cũng không cung cấp được chứng cứ thể hiện chị L nộp tiền mặt góp vốn vào Công ty hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Công ty. Đối với nội dung cuộc họp tại Biên bản họp ngày 23-11-2018 là thể hiện ý chí của các bên muốn góp vốn vào Công ty và Công ty cần phải có số tiền 21.000.000.000 đồng để thực hiện dự án mở cát “Giấy phép Suối Bà Chiêm” của Công ty nên chị L và ông đồng ý, thống nhất

kêu gọi thêm người đầu tư là ông Huỳnh Văn C. Nội dung Biên bản họp, ngày 23-11-2018 thể hiện ý chí của các thành viên là đồng ý góp vốn đầu tư, nhưng thực tế các bên kết luận “Tất cả các thành viên đã đọc và đồng ý. Đồng thời thống nhất tiến hành thành lập sở quỹ thu, chi nội bộ của Công ty” để chứng nhận các thành viên mới thực góp vốn là (tiền mặt) vào cho dự án khai thác cát của Công ty. Nhưng trong giai đoạn này chị L chưa có góp tiền như đã thống nhất tại cuộc họp ngày 23-11-2018.

Đối với các lần chị L và mẹ chị L chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông từ ngày 20/10/2017 đến ngày 09/5/2018, gồm 14 lần, thì ông đã nộp thay cho chị L vào Công ty, thể hiện tại các phiếu nộp tiền, cụ thể các lần như sau:

- Ngày 20-10-2017, chị L chuyển số tiền 500.000.000 đồng với nội dung “Huỳnh Tô L chuyển khoản giấy phép cát Suối Bà Chiêm - Thượng”;
- Ngày 19-12-2017, bà Nguyễn Thị H (mẹ chị L) chuyển số tiền 950.000.000 đồng với nội dung “Nguyễn Thị H chuyển khoản giấy phép cát Suối Bà Chiêm - Thượng”;
- Ngày 20-12-2017, chị L chuyển số tiền 50.000.000 đồng với nội dung “tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm, tổng cộng 01 tỷ”;
- Ngày 02-01-2018, chị L chuyển số tiền 30.000.000 đồng với nội dung “Chuyển khoản anh T”;
- Ngày 03-01-2018, chị L chuyển 05 lần với tổng số tiền 470.000.000 đồng với nội dung “tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;
- Ngày 04-5-2018, chị L chuyển 02 lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng với nội dung “tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”;
- Ngày 09-5-2018, chị L chuyển 03 lần với tổng số tiền 300.000.000 đồng với nội dung “tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”.

Như vậy, tổng cộng số tiền chị L chuyển vào tài khoản của ông là 2.500.000.000 đồng, trong đó có 13 lần chị L trực tiếp chuyển khoản, tổng số tiền là 1.550.000.000 đồng và 01 lần bà Nguyễn Thị H (mẹ chị L) chuyển khoản với số tiền 950.000.000 đồng, đều thể hiện mục đích chuyển tiền “tiền giấy phép Suối Bà Chiêm”.

Để thực hiện dự án xin giấy phép khai thác cát, mỏ cát Suối Bà Chiêm là một dạng hình thức hợp đồng góp vốn hợp tác kinh doanh và căn cứ theo khoản 14 Điều 3, các Điều 27, 28 của Luật Đầu tư 2020 thì đây là hợp đồng được ký giữa các nhà đầu tư nhằm hợp tác kinh doanh, phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm theo quy định của pháp luật mà không thành lập tổ chức kinh tế. Nhưng đến ngày 04/7/2018, giữa chị L và ông có tiến hành ký xác nhận công nợ, chị L (tên thường gọi là M1) còn thiếu nợ ông số tiền 2.742.900.000 đồng và hai bên

thống nhất căn trừ số tiền chị L chuyển vào tài khoản ông: 2.742.900.000 đồng – 2.500.000.000 đồng = 242.900.000 đồng nên chị L còn nợ lại số tiền 242.900.000 đồng. Chị L thu lại giấy ghi nhận nợ bản chính và ông có chụp lại một bản ghi công nợ do chị L viết.

Do đó, Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L yêu cầu Công ty trả lại số tiền đã nhận 5.500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23-11-2018 đến khi xét xử xong vụ án.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Đỗ Anh T, trình bày:

Ngoài tổng số tiền 2.500.000.000 đồng chị L chuyển khoản vào tài khoản của ông 14 lần, với nội dung “tiền giấy phép cát Suối Bà Chiêm”, chị L còn chuyển vào tài khoản của ông 02 lần với tổng số tiền 2.800.000.000 đồng, cụ thể vào ngày 08-8-2017, số tiền 2.500.000.000 đồng với nội dung “Huỳnh Tố L chuyển khoản theo HĐKT 0708/HĐKT-2017 KTC tại mỏ cát Công ty K và Công ty T2” và ngày 12-10-2017, số tiền 300.000.000 đồng với nội dung “Huỳnh Tố L chuyển khoản thuê tàu - anh T”. Như vậy, chị L đã chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông tổng cộng 16 lần, với tổng số tiền 5.300.000.000 đồng. Trong đó, có 14 lần với tổng số tiền 2.500.000.000 đồng ông đã trình bày tại phần trình bày của người đại diện theo pháp luật của Công ty ở phần trên; còn 02 lần, trong đó 01 lần chuyển số tiền 2.500.000.000 đồng vào ngày 08-08-2017 với nội dung “Huỳnh Tố L chuyển khoản theo HĐKT 0708/HĐKT - 2017 KTC tại mỏ cát công ty K và công ty T3 C” và 01 lần chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 12-10-2017 với nội dung “Huỳnh Tố L chuyển khoản thuê tàu - anh T”, không liên quan đến nội dung góp vốn với Công ty, nên đề nghị Tòa án xem xét tách ra. Ngoài ra, chị L trình bày có 01 lần giao trực tiếp cho ông số tiền 200.000.000 đồng là không có nên đề nghị tòa xem xét.

Do đó, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Tố L yêu cầu Công ty trả lại số tiền đã nhận 5.500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23-11-2018 đến khi xét xử xong vụ án.

Ngày 18-02-2025, ông có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu chị Huỳnh Tố Liên thanh T1 cho ông số tiền 2.713.360.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 21-5-2018 theo hợp đồng kinh tế số 0708 ngày 07-8-2017. Ngày 01-4-2025, ông xin rút lại yêu cầu phản tố trên.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tố U, trình bày:

Bà là vợ của ông Lê Đỗ Anh T, đồng thời cũng là thủ quỹ của Công ty, bà có nộp khoản tiền của ông T nộp thay cho chị L vào Công ty thông qua sổ sách

thu chi nội bộ của Công ty. Nay, chị L yêu cầu bà cùng có nghĩa vụ với ông T và Công ty trả số tiền 5.500.000.000 đồng và tiền lãi, bà không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/ngày 24/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Tố L đối với Công ty, buộc Công ty trả lại cho bà Huỳnh Tố L 5,5 tỷ đồng và khoản tiền lãi 1.004.300.000 đồng. Tổng cộng là 6.504.300.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/10/2020, Công ty TNHH MTV K kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 58/2021/DS-PT, ngày 24/3/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định (tóm tắt):

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc Công ty trả lại cho bà Huỳnh Tố L 5,5 tỷ đồng và khoản tiền lãi là 1.004.300.000 đồng. Tổng cộng là 6.504.300.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 09/6/2021, ông Lê Đỗ Anh T đại diện hợp pháp của Công ty có đơn đề nghị xem xét bản án phúc thẩm nêu trên theo trình tự giám đốc thẩm.

Ngày 15/3/2022, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh có văn bản kiến nghị xem xét kháng nghị đối với bản án phúc nêu trên.

Tại Quyết định số 75/2023/KN-DS ngày 28/8/2023, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm huỷ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giải quyết sơ thẩm lại.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 286/2023/DS-GĐT ngày 20/11/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận Quyết định Kháng nghị số 75/2023/KN-DS ngày 28/8/2023, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Huỷ Bản án dân sự phúc thẩm số 58/2021/DS-PT ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh và huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST, ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh về vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” giữa nguyên đơn là bà Huỳnh Tố L với bị đơn là Công ty TNHH MTV K. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 113/DS-ST, ngày 06/6/2024 của Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Tố L đối với Công ty và ông Lê Đỗ Anh T về việc tranh chấp hợp đồng góp vốn.

Buộc Công ty và ông Lê Đỗ Anh T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị Huỳnh Tố L số tiền gốc 5.500.000.000 đồng và tiền lãi 3.035.725.000 đồng, tổng cộng là 8.535.725.000 (tám tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/6/2024, ông Lê Đỗ Anh T là đại diện hợp pháp cho bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử huỷ bản án sơ thẩm và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Tố L.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 449/2024/DS-PT ngày 09/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định (tóm tắt):

Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 17/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11-Tây Ninh) đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Tố L đối với Công ty, ông Lê Đỗ Anh T và bà Nguyễn Thị Tố U về việc tranh chấp hợp đồng góp vốn.

Buộc Công ty, ông Lê Đỗ Anh T và bà Nguyễn Thị Tố U cùng có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị Huỳnh Tố L tổng số tiền 9.007.441.600 (chín tỷ không trăm lẻ bảy triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm) đồng, trong đó, tiền gốc là 5.500.000.000 và tiền lãi 3.507.441.600 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đỗ Anh T đối với bà Huỳnh Tố L về việc yêu cầu bà Liên thanh T1 số tiền 2.713.360.000 (hai tỷ bảy trăm mười ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 21-5-2018 theo hợp đồng kinh tế số 0708 ngày 07-8-2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/4/2025, Công ty và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tố U có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh huỷ

bản án sơ thẩm và trả hồ sơ lại cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty là ông Lê Đỗ Anh T trình bày ý kiến:* giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của Công ty, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty, huỷ bản án sơ thẩm bởi các lý do, Tòa án cấp sơ thẩm: (1) không thực hiện đối chất giữa chị Huỳnh Tố L với đại diện hợp pháp của Công ty về Hợp đồng 07/08 để làm rõ số tiền 2.500.000.000 đồng là tiền góp vốn hay tiền của hợp đồng 07/08 mà Bản án số 449/2024/DS-PT ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã nhận định; (2) không tiến hành lấy lời khai của ông Huỳnh Văn C là thành viên góp vốn cùng với chị L và Công ty cho dự án khai thác cát tại mỏ cát Suối Bà C - T, T; (3) đưa bà Nguyễn Thị Tố U vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đúng, bởi vì bà Tố U là Thủ quỹ của Công ty, bà Tố U đã thực hiện đúng nhiệm vụ của Thủ quỹ Công ty về việc nhận tiền, lập phiếu thu, phiếu chi thanh toán,... ; không thu thập giấy đăng ký kết hôn để xác định bà Tố U có phải là vợ của ông T không, chỉ căn cứ lời khai của ông và U khai nhận quan hệ với ông T là vợ chồng, từ đó tuyên buộc Tố U cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với ông T và Công ty; việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông và vợ ông cùng với Công ty trả nợ cho chị L là vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn; (4) chứng cứ nguyên đơn cung cấp là các lần chuyển tiền vào tài khoản cá nhân ông T đến ngày 09/5/2018 là kết thúc, tuy nhiên biên bản họp ngày 3/11/2018 lại nêu chị L nộp số tiền 5.500.000.000 đồng vào ngày 18/6/2018 là có sự mâu thuẫn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem 02 vấn đề này là một; trong số tiền chuyển khoản cho ông T có số tiền 3.000.000.000 đồng chuyển khoản và giao tiền mặt không liên quan đến giấy phép Suối Bà Chiêm, nhưng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm vẫn mặc nhiên xem đây là chứng cứ để buộc; ngoài ra, biên bản họp ngày 23/11/2018 nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là bản phô tô, như g Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu giao nộp bản chính để làm chứng cứ hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tố U vắng mặt nên không có trình bày ý kiến

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày ý kiến: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tố U, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công đã thực hiện tương đối đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để xét xử (giải quyết) phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án. Tuy nhiên, vụ án đã quá hạn xét xử theo quy định nên đề nghị khắc phục. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của Công ty và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tố U, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, Công ty và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tố U có đơn kháng cáo, nộp Tòa án cấp sơ thẩm và nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm còn trong thời hạn luật định; nội dung đơn kháng cáo hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Ngày 25/7/2025 ông Lê Đỗ Anh T có đơn yêu cầu thay đổi Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa là ông Võ Văn N2. Tại Quyết định số 01/QĐ0-TA ngày 06 tháng 8 năm 2025 về việc giải quyết yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng (đối với Thẩm phán), Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định không chấp nhận yêu cầu thay đổi Thẩm phán Võ Văn N2 của ông Lê Đỗ Anh T theo đơn đề ngày 25/7/2025. Thẩm phán Võ Văn N2 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm số 141/2025/TLPT-DS ngày 27/5/2025 theo quy định pháp luật.

[1.3] Ngày 27/7/2025, Tòa án mở phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án, do người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tố U là người có kháng cáo vắng mặt lần thứ nhất, theo đề nghị của phía bị đơn và đại diện Viện kiểm sát,

Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà và ấn định thời gian mở lại phiên toà xét xử vụ án vào lúc 08 giờ ngày 30/7/2025, đồng thời Toà án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập bà Nguyễn Thị Tố U cho ông Lê Đỗ Anh T (chồng bà Tố U). Tại phiên toà phúc thẩm ngày 30/7/2025, bà Tố U tiếp tục vắng mặt, Hội đồng xét xử tiếp tục hoãn phiên toà ngày 30/8/2025 và ấn định thời gian mở lại phiên toà xét xử vụ án vào lúc 08 giờ ngày 05/8/2025. Ngay sau khi hoãn phiên toà, Toà án tổng đạt cho ông T giấy triệu tập ông T và bà Tố U, ông T ký nhận giấy triệu tập, tuy nhiên T trình bày do bà Tố U đang học tập ở nước ngoài không thể đến tham dự phiên toà được. Toà án đã tiến hành xác minh và được địa phương xác nhận bà Tố U không còn ở địa phương, Toà án đã ban hành Thông báo số 43/TB-TA ngày 31/7/2025 thay đổi ngày xét xử và sẽ xét xử vụ án vào lúc 08 giờ ngày 19/8/2025, đồng thời niêm yết Thông báo thay đổi ngày xét xử vụ án và Giấy triệu tập cho bà Tố U theo quy định. Tại phiên toà hôm nay, bà Tố U tiếp tục vắng mặt, việc vắng mặt của bà Tố U được coi như bà Tố U đã từ bỏ việc kháng cáo của mình, do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tố U.

[2] Xét kháng cáo của Công ty, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về việc đại diện Công ty cho rằng Toà án cấp sơ thẩm không thực hiện đối chất giữa chị L với đại diện hợp pháp của Công ty về Hợp đồng 0708 để làm rõ số tiền 2.500.000.000 đồng là tiền góp vốn hay tiền của hợp đồng 0708/HĐKT-2017 mà Bản án số 449/2024/DS-PT ngày 09/9/2024 của Toà án cấp phúc thẩm đã nhận định, thấy rằng mặc dù Toà án cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất giữa chị L với đại diện hợp pháp của Công ty để làm rõ số tiền 2.500.000.000 đồng là chưa thực hiện đúng yêu cầu của bản án phúc thẩm là có sai sót. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm chị L và ông T đều thừa nhận giữa chị L với Công ty có giao kết hợp đồng góp vốn để xin giấy phép hoạt động của Công ty, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, chưa ký hợp đồng góp vốn với nhau và qua nhiều lần chị L chuyển tiền vào tài khoản cá nhân ông T là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty M2 góp vốn xin giấy phép khai thác cát, căn cứ biên bản cuộc họp ngày 23/11/2018, do ông T chủ trì thì chị L, ông T và ông C thống nhất số tiền mỗi cá nhân góp vào dự án xin phép khai thác và đầu tư khai thác cát tại Mỏ cát Suối Bà C - T - T là 21 tỷ. Trong đó, ông T phải góp số tiền 8,4 tỷ đồng tương đương 40% cổ phần, ông Huỳnh Văn C và chị L mỗi người

phải góp số tiền 6,3 tỷ đồng tương đương mỗi người 30% cổ phần và xác định ông T đã thực hiện góp vốn vào ngày 16/10/2018 số tiền 5,5 tỷ đồng, chị L đã thực hiện góp vốn số tiền 5,5 tỷ đồng, ông C đã thực hiện góp vốn số tiền 03 tỷ đồng. Đồng thời xác định ông T phải góp thêm 2,9 tỷ đồng, bà L, ông C mỗi người phải góp thêm 800 triệu đồng; tại mặt sau của biên bản họp xác định thực tế ông T chỉ phải góp thêm 1,5 tỷ đồng, bà L phải góp thêm 1,5 tỷ đồng và ông C phải góp thêm 4 tỷ đồng. Lý giải cho việc này, ông T trình bày tại phiên toà sơ thẩm (*thể hiện Biên bản phiên toà xét xử sơ thẩm lần 2 – bút lục số 604*), ông là người trực tiếp đi liên hệ thực hiện các công việc liên quan đến việc xin giấy phép hoạt động của Công ty tại Mỏ cát Suối Bà C - T - T, nên chị L và ông C còn phải góp tăng thêm mỗi người là 700 triệu đồng, ông T góp giảm số tiền 1,4 tỷ đồng; lời trình bày này của ông T phù hợp kết luận tại Biên bản cuộc họp ngày 23/11/2018, phù hợp với lời khai của ông T tại Biên bản lấy lời khai ông T tại Cơ quan điều tra Công an T4 vào 26-12-2019 (*bút lục số 554-557*) “...có nhận 5,5 tỷ đồng của bà L góp vốn vào Công ty nhưng đã chi phí hết cho việc xin giấy phép và nay có người mua Công ty với giá 08 tỷ nên phải chia theo tỷ lệ phần trăm...”, và cũng tại biên bản này ông T xác định số tiền 5,5 tỷ đồng chị L góp vốn vào Công ty không liên quan đến hợp đồng kinh tế 0708/HĐKT-2017, ngày 07/8/2017 vì hợp đồng này đã tính toán xong khi chuyển nhượng Công ty TNHH K.

Đối với số tiền tổng cộng 03 tỷ đồng chị L chuyển khoản theo hợp đồng 0708/HĐKT- 2017, tiền thuê tàu và tiền mặt 200 triệu đồng, mặc dù nội dung chuyển khoản thể hiện không liên quan đến giấy phép Suối Bà Chiêm, nhưng biên bản họp ngày 23/11/2018 đã thống nhất số tiền chị L đã góp là 5.5 tỷ đồng, trong đó có các khoản tiền này vì ngoài các khoản này thì chị L không chuyển cho ông T khoản nào khác. Do đó, việc tiến hành đối chất giữa chị L với đại diện hợp pháp của Công ty về Hợp đồng 0708/HĐKT -2017 để làm rõ số tiền 2.500.000.000 đồng là tiền góp vốn hay tiền của hợp đồng 0708 mà Bản án số 449/2024/DS-PT ngày 09/9/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã nhận định là không cần thiết.

[2.2] Về việc đại diện Công ty cho rằng Toà án cấp sơ thẩm không tiến hành lấy lời khai của ông Huỳnh Văn C là thành viên góp vốn cùng với chị L và Công ty cho dự án khai thác cát tại Mỏ cát Suối Bà C - T, T, thấy rằng, theo biên bản ngày 23/11/2018 ông C là thành viên cùng góp vốn, việc chị L khởi kiện không liên quan đến việc góp vốn của ông C, tại cấp sơ thẩm các bên đương sự xác định không biết ông C ở đâu nên không thể tiến hành lấy lời khai của ông C. Hơn nữa

lời khai của ông C trong vụ án này không phải là chứng cứ duy nhất để xem xét giải quyết vụ án, chỉ mang tính chất tham khảo.

[2.3] Về việc Công ty cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa bà Nguyễn Thị Tố U vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đúng, thấy rằng: tại Bản án dân sự phúc thẩm số 449/2024/DS-PT ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, có nhiều lý do, trong đó có lý do đưa thiếu người tham gia tố tụng là bà Nguyễn Thị Tố U (vợ ông C). Sau khi thụ lý giải quyết lại vụ án, chị L có đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/11/2024 yêu cầu ông T và bà U cùng có nghĩa vụ liên đới cùng với Công ty trả lại khoản tiền góp vốn 5.500.000.000 đồng và tiền lãi, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đưa bà Tố U tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Về việc Công ty cho rằng Tòa án không thu thập giấy đăng ký kết hôn để xác định bà Tố U có phải là vợ của ông T không, chỉ căn cứ lời khai của ông T và bà U khai nhận quan hệ của 02 người là vợ chồng, từ đó tuyên buộc bà Tố U cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng với ông T và Công ty, thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà U đều khai nhận quan hệ của 02 người là vợ chồng và đúng với thực tế. Do đó, việc thu thập giấy đăng ký kết hôn để xác định bà Tố U có phải là vợ của ông T không là không cần thiết.

[2.5] Việc Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu nguyên đơn nộp bản chính Biên bản họp ngày 23/11/2018 mà nộp bản phô tô là thiếu sót, tuy nhiên các nội dung trong biên bản phô tô này các bên đương sự đều thừa nhận và nội dung này cũng phù hợp với lời khai của ông T tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2019 của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T4 đối với ông T. Do đó, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2.6] Về giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty cùng ông T và bà Tố U trả lại số tiền chị L đã góp vốn vào Công ty là 5.500.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 23/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/4/2025 là 76 tháng 25 ngày) với số tiền lãi là 3.507.441.667 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 9.007.441.600 đồng.

Xét thấy, Biên bản họp ngày 23/11/2018 do ông T chủ trì và lời khai của ông T tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2019 của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T4 và nhận định của Tòa án tại mục [2.1] thì chị L đã góp vốn vào Công ty tổng số tiền 5,5 đồng. Chị L đã chuyển tiền vào tài khoản cá nhân ông T gồm 16 chứng từ và 01 lần chuyển tiền mặt 200 triệu đồng đến ngày 09/5/2018 là kết

thúc, nên tại Biên bản họp 23/11/2018 xác định chị L đã nộp 5,5 tỷ đồng, ông T cho rằng xác định nộp vào ngày 18/6/2018 là mâu thuẫn thấy rằng, cuộc họp này do ông T chủ trì, kết thúc cuộc họp tất cả cùng ký tên nên việc xác định nộp ngày nào là do tất cả đều thống nhất, nên ông T cho rằng mâu thuẫn là không có căn cứ. Như vậy các bên đã thống nhất việc thực hiện góp vốn vào ngày 16/10/2018. Đến ngày 18/4/2019 UBND tỉnh T mới có Quyết định số 751/UBND-KTTC về việc tạm ngưng hoạt động khai thác cát trong hồ D, nhưng phía Công ty đã không thực hiện những thỏa thuận đã cam kết, thay đổi giấy đăng ký doanh nghiệp, đăng ký lại vốn điều lệ của doanh nghiệp... là xâm phạm đến quyền lợi, gây thiệt hại cho chị L là người góp vốn. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 31 và khoản 3 Điều 87 của Luật Doanh nghiệp 2014 xác định lỗi hoàn toàn thuộc về Công ty là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Ông T là người đại diện của Công ty và cũng là người trực tiếp nhận tiền từ bà L nhưng không thực hiện như đã thỏa thuận nên ông T cũng là người có lỗi. Bà Tổ U (vợ của ông T) đồng thời là chủ quỹ của Công ty, bà U thừa nhận có nhận và nộp tiền của ông T nộp thay cho bà L vào Công ty thông qua sổ sách thu - chi nội bộ, đồng thời được Công ty chi hết cho bên dịch vụ tư vấn pháp lý để thực hiện dự án của Công ty theo thỏa thuận các bên, nhưng đến thời điểm chị L khởi kiện thì Công ty vẫn chưa thực hiện, đồng thời tại đơn kháng cáo bà U cho rằng việc bà thu tiền nhưng không nộp vào Công ty thì chỉ chịu trách nhiệm pháp lý với Công ty không phải với nguyên đơn, nên bà U cùng có nghĩa vụ với ông T và Công ty trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho Công ty. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Công ty, ông T và bà U cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền gốc 5.500.000.000 đồng và tiền lãi 3.507.441.667 đồng, tổng cộng là 9.007.441.600 đồng là phù hợp với các quy định tại các Điều 116, 117, 351, 357, 360 và 361 của Bộ luật Dân sự.

[2.7] Công ty kháng cáo, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của Công ty; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty và bà Tổ U phải chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tố U;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV K;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-PT ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Tây Ninh).

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 351, 357, 360 và 361 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147 và 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Tố L đối với Công ty TNHH MTV K, ông Lê Đỗ Anh T và bà Nguyễn Thị Tố U về việc “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”.

Buộc Công ty TNHH MTV K, ông Lê Đỗ Anh T và bà Nguyễn Thị Tố U cùng có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị Huỳnh Tố L tổng số tiền gốc và tiền lãi (tạm tính đến ngày 17/4/2025) là 9.007.441.600 (chín tỷ không trăm lẻ bảy triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm) đồng, trong đó, tiền gốc 5.500.000.000 đồng, tiền lãi 3.507.441.600 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải thi hành, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đỗ Anh T đối với chị Huỳnh Tố L về việc yêu cầu chị Liên thanh T1 số tiền 2.713.360.000 (hai tỷ bảy trăm mười ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 21-5-2018 theo hợp đồng kinh tế số 0708 ngày 07-8-2017.

3. Về án phí dân sự

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH MTV K, ông Lê Đỗ Anh T và bà Nguyễn Thị Tố U phải cùng chịu 117.007.400 (một trăm mười bảy triệu không trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm) đồng.

- Chị Huỳnh Tố L không phải chịu, được hoàn trả lại số tiền 57.100.000 (năm mươi bảy triệu một trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo các Biên lai thu số 0006792 ngày 24-10-2024 và 0006944 ngày 29-11-2024

của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11, tỉnh Tây Ninh).

- Hoàn trả lại cho ông Lê Đỗ Anh T số tiền 43.133.600 (bốn mươi ba triệu một trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003125 ngày 18-02-2025 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11), tỉnh Tây Ninh.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Công ty TNHH MTV K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu số 0003352 ngày 25/4/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11), tỉnh Tây Ninh.

- Bà Nguyễn Thị Tố U phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu số 0003432 ngày 09/5/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11), tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng GDKT, TT&THA TA tỉnh;
- TAND Khu vực 11- Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 11 – Tây Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 11, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Ngẫu